

## KẾ HOẠCH

### Triển khai thực hiện “Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Thực hiện Quyết định số 993/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch quốc gia triển khai Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất đến năm 2030.

Nhằm triển khai việc thực hiện Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 993/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ, được đồng bộ, kịp thời, thống nhất và hiệu quả. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện “Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi tắt là Tuyên bố Glasgow) với các nội dung sau:

#### I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

a) Cụ thể hóa các nội dung Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất đến năm 2030 phù hợp với quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng Nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng đất bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh.

b) Nâng cao hiệu quả sử dụng đất; phát huy vai trò của rừng và các thành quả nông nghiệp, lâm nghiệp, bảo vệ đa dạng sinh học, tạo nền tảng cho phát triển bền vững của đất nước. Kế hoạch hướng tới giải quyết cơ bản các nguyên nhân mất rừng, suy thoái rừng, suy thoái đất, đồng thời thúc đẩy quản lý rừng bền vững.

##### 2. Yêu cầu

a) Cản sự tham gia có trách nhiệm, hiệu quả của cả hệ thống chính trị, các sở, ngành và địa phương; huy động mọi nguồn lực hợp pháp của các thành phần kinh tế trong nước và quốc tế, trong đó Nhà nước bố trí nguồn lực từ ngân sách, huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân và quốc tế.

b) Nhà nước có cơ chế chính sách hưởng lợi từ rừng để thu hút các thành phần kinh tế trong nước và quốc tế tham gia, phát huy tính chủ động của các sở, ngành, địa phương và các tổ chức liên quan trong việc thực hiện Kế hoạch.

#### II. MỤC TIÊU

##### 1. Mục tiêu chung

Dóng góp trực tiếp vào mục tiêu phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn, các mục tiêu về giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo tồn, quản lý bền vững, chuyển đổi sang kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn;

thúc đẩy phát triển sinh kế bền vững cho người dân và cộng đồng địa phương, đảm bảo an ninh lương thực và bảo vệ môi trường qua đó thực hiện các cam kết của Tuyên bố Glasgow.

## 2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030, quản lý chặt chẽ và phát triển bền vững diện tích rừng và đất lâm nghiệp 169.896 ha, trong đó: rừng đặc dụng 114.280 ha, rừng phòng hộ 30.501 ha, rừng sản xuất 25.115 ha;; phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học; đổi với rừng đặc dụng đảm bảo hài hòa giữa bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ động, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm và phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; đổi với rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên chú trọng công tác bảo vệ rừng, phát triển dịch vụ môi trường rừng và các mô hình phát triển lâm sản ngoài gỗ, nông lâm kết hợp; thực hiện các hoạt động giảm phát thải nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng, hạn chế tối đa chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, từng bước hạn chế tình trạng suy thoái rừng và suy thoái đất; đến năm 2030, cơ bản đẩy lùi tình trạng mất rừng, suy thoái tài nguyên rừng, suy thoái đất và sa mạc hóa, đảm bảo hài hòa sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn, đóng góp hiệu quả việc thực hiện cam kết giảm phát thải khí nhà kính.

b) Diện tích rừng tự nhiên nghèo được phục hồi và nâng cấp chất lượng nâng cao chất lượng rừng tự nhiên đến 2025 là 8.664,3 ha, đến 2030 là 11.484 ha, trồng rừng sản xuất đến 2025 là 2.499,6 ha, đến 2030 là 4.865 ha; phục hồi rừng phòng hộ đến 2025 là 3.937 ha, đến 2030 là 6.101 ha, góp phần giảm tỷ lệ diện tích rừng tự nhiên nghèo, tăng tỷ lệ diện tích rừng tự nhiên trung bình và giàu; nâng cao hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học và năng lực phòng hộ; nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế và tính bền vững của rừng trồng và cây trồng nông nghiệp; diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý bền vững đạt 10.000 ha vào năm 2025, đến 2030 là 27.835 ha.

c) Hoàn thiện thể chế, chính sách thúc đẩy phát triển sản xuất và tiêu dùng các sản phẩm nông, lâm nghiệp bền vững, không gây mất rừng, suy thoái đất và sa mạc hóa; nâng cao tính chống chịu, giảm thiểu tính dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp theo hướng đa mục đích, phát thải thấp, kinh tế tuần hoàn và kinh tế xanh tổng nguồn thu dịch vụ môi trường rừng đến 2025 tăng 30%, du lịch sinh thái tăng đến 2030 tăng 45%. Tỷ lệ che phủ rừng ổn định đạt 28,3% đến năm 2025 và đạt 27,4% đến năm 2030; đến năm 2025 có 100% diện tích chủ rừng được quản lý bền vững; rừng được nâng cao hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học và năng lực phòng hộ của rừng; đảm bảo an ninh môi trường.

## III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Bảo tồn đẩy nhanh quá trình phục hồi rừng, các hệ sinh thái trên cạn

a) Xây dựng thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án, dự án về bảo

tồn, phục hồi rừng, phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái, ngăn ngừa chuyển đổi phá hủy hệ sinh thái, các cảnh quan tự nhiên quan trọng, góp phần thực hiện Tuyên bố Thập kỷ 2021 – 2030 là Thập kỷ Liên hợp quốc phục hồi hệ sinh thái.

b) Quản lý xung đột tranh chấp về rừng và sử dụng đất; đánh giá hiện trạng rừng và đất rừng có chồng lấn tranh chấp giữa lâm nghiệp và các ngành khác; xây dựng triển khai các kế hoạch giải quyết tranh chấp về rừng và đất; thực hiện; thực hiện đóng mốc ranh giới giữa các chủ rừng và địa phương.

c) Lồng ghép nội dung quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn các hệ sinh thái rừng trong quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp, quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học, quy hoạch bảo vệ môi trường.

d) Tăng cường năng lực, cơ chế phối hợp liên ngành để thực thi pháp luật liên ngành cho Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng; đảm bảo chế độ, chính sách đặc thù; đầu tư trang thiết bị, công cụ hỗ trợ, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong thực thi pháp luật, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; xây dựng ban hành cơ chế, quy chế phối hợp liên ngành.

d) Kiểm soát chặt chẽ có hiệu quả chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; hạn chế tối đa chuyển đổi mục đích sử dụng rừng tự nhiên ở các khu vực cần bảo vệ nghiêm ngặt sang mục đích ngoài lâm nghiệp.

e) Xây dựng cơ sở dữ liệu tinh về đa dạng sinh học rừng (cấp hệ sinh thái, loài); theo dõi giám sát đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái rừng; đầu tư trang thiết bị cho các hoạt động điều tra, giám sát đa dạng sinh học rừng.

2. Xây dựng và hoàn thiện chính sách thương mại trong nước và quốc tế, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng hàng hóa bền vững để đạt được lợi ích chung không làm mất rừng và suy thoái đất.

a) Xây dựng chính sách, chương trình kế hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát triển giá trị đa mục đích của giá trị sinh thái rừng, sử dụng đất bền vững, đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế về các loại sản phẩm nông lâm nghiệp không gây mất rừng và suy thoái đất.

b) Thúc đẩy sản xuất các loại nông, lâm nghiệp bền vững theo chuỗi, có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển thương mại và mở rộng thị trường các sản phẩm nông, lâm sản.

c) Sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định pháp luật về sản xuất và tiêu dùng các sản phẩm nông, lâm nghiệp có nguồn gốc hợp pháp và không gây mất rừng, phù hợp với cam kết quốc tế và điều kiện Việt Nam; thúc đẩy quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng.

3. Giảm thiểu tình trạng dễ bị tổn thương của rừng và đất; tăng cường khả năng phục hồi và cải thiện sinh kế nông thôn thông qua trao quyền cho cộng đồng, củng cố hệ thống quản lý đất, phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao giá trị đa mục đích của rừng; đồng thời đảm bảo các quyền của người dân và cộng đồng địa phương theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế.

a) Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương của hệ sinh thái rừng, đất và sinh kế của cộng đồng dân cư sống phụ thuộc vào rừng; triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao khả năng chống chịu và giảm nhẹ tổn thất, thiệt hại do biến đổi khí hậu.

b) Nâng cao năng lực thực hiện và trách nhiệm quốc gia thành viên Công ước Liên hiệp quốc về chống sa mạc hóa; xây dựng và triển khai chương trình hành động quốc gia về chống sa mạc hóa và suy thoái đất.

c) Xây dựng, hoàn thiện chính sách phát triển lâm sản ngoài gỗ, được liệu dưới tán rừng và cải thiện sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân gần rừng và dân tộc thiểu số.

d) Trao quyền quản lý bảo vệ và phát triển rừng cho cộng đồng dân cư và người dân địa phương thông qua giao rừng gắn với giao đất, nhiệm vụ bảo vệ rừng và hưởng lợi từ rừng; tăng cường năng lực cho cộng đồng dân cư thực hiện quản lý diện tích rừng được giao; thực hiện chính sách khoán rừng cho cộng đồng dân cư gần rừng.

e) Phát triển và sử dụng có hiệu quả các giá trị của rừng, triển khai có hiệu quả Đề án phát triển giá trị đa dạng của hệ sinh thái rừng nhằm phát triển kinh tế dưới tán rừng thông qua mô hình nông lâm kết hợp; phát triển lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng tự nhiên; mở rộng dịch vụ môi trường rừng.

g) Xây dựng chính sách chi trả dịch vụ lưu giữ hấp thụ cacbon rừng; triển khai cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ cacbon rừng để đáp ứng các yêu cầu của thị trường cacbon trong nước và quốc tế, đóng góp cho mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của ngành lâm nghiệp, tạo nguồn tài chính bền vững cho hoạt động quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

4. Xây dựng tổ chức có hiệu quả chính sách phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, đảm bảo an ninh lương thực và bảo vệ môi trường

a) Xây dựng chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông lâm nghiệp mới theo hướng tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải nhà kính, tăng cường tính chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn đáp ứng nhu cầu thị trường.

b) Đẩy mạnh thí điểm và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp mới, các vùng sản xuất chuyên canh, đáp ứng yêu cầu của thị trường như: nông nghiệp sinh thái, tiết kiệm tài nguyên và phát thải thấp; nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp, dịch vụ.

c) Xây dựng phát triển thương hiệu sản phẩm, chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông lâm sản không gây mất rừng và suy thoái rừng; các tiêu chuẩn và hệ thống chứng nhận sản phẩm nông, lâm nghiệp đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

5. Tăng cường khả năng tiếp cận, huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính trong nước và quốc tế, hợp tác công tư cho phát triển sản xuất

nông, lâm nghiệp, quản lý rừng bền vững, bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái hỗ trợ cộng đồng dân cư địa phương và đồng bào dân tộc thiểu số

a) Tăng cường khả năng tiếp cận, thúc đẩy hợp tác quốc tế và hoàn thiện cơ chế, chính sách để huy động nguồn lực tài chính từ khu vực tư nhân, hợp tác công tư cho phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, quản lý rừng bền vững, phục hồi rừng tự nhiên gắn với đa dạng sinh học, hỗ trợ cộng đồng dân cư địa phương và đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Thúc đẩy thực hiện các sáng kiến, cơ chế tài chính mới về tài chính khí hậu, tín dụng xanh, mở rộng dịch vụ môi trường rừng, thị trường cacbon rừng, nhằm tạo nguồn tài chính bền vững cho quản lý rừng bền vững, bảo tồn và phục hồi rừng, hỗ trợ cộng đồng dân cư địa phương và đồng bào dân tộc thiểu số.

6. Lồng ghép các nguồn tài chính nhằm hạn chế tình trạng mất rừng và suy thoái rừng, có các cơ chế, chính sách hiệu lực, hiệu quả để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế có khả năng phục hồi và đạt các mục tiêu quốc tế về quản lý rừng, sử dụng đất bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Xây dựng cơ chế, chính sách phân bổ quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư thông qua các chương trình, dự án, đề án phát triển sản xuất nông lâm nghiệp và sử dụng đất bền vững.

b) Nâng cao hiệu quả đầu tư thông qua việc lồng ghép các chương trình hỗ trợ quốc tế, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án phát triển nông lâm nghiệp để nâng cao hiệu quả đầu tư trong quản lý rừng và sử dụng đất bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Tăng cường điều, phối hợp tác liên ngành trong quá trình xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án, đề án phát triển nông lâm nghiệp nhằm chuyển sang nền kinh tế có khả năng phục hồi và đạt các mục tiêu quốc tế về hạn chế tình trạng mất rừng và suy thoái rừng.

(Danh mục chi tiết các nhiệm vụ tại phụ lục kèm theo Kế hoạch này)

#### **IV. NGUỒN VỐN**

1. Lồng ghép nguồn vốn Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 – 2030 của các chủ rừng; các chương trình, dự án, đề án về quản lý bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.

2. Huy động nguồn vốn hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn tài trợ và viện trợ.

3. Các địa phương bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện kế hoạch của địa phương theo quy định pháp luật.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai và tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện “Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng

đất đến năm 2030”; đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vướng mắc; tham mưu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quản lý chuyên ngành; nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách để thực hiện hiệu quả Kế hoạch; định kỳ hoặc đột xuất, hàng năm, sơ kết 3 năm hoặc 5 năm tình hình thực hiện Kế hoạch báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai và hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27/02/2023 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ-TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa VIII về nông nghiệp, nông dân và nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045; Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến 2050; Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến 2050; Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến 2050 và các chương trình, kế hoạch, đề án khác có liên quan.

c) Triển khai các cơ chế, chính sách về đầu tư cho lâm nghiệp, sản xuất thương mại sản phẩm nông, lâm nghiệp không gây mất rừng và suy thoái rừng, dịch vụ lưu giữ và hấp thụ cacbon rừng, phát triển kinh tế dưới tán rừng, khuyến khích phát triển sản xuất nông lâm nghiệp mới theo hướng tiết kiệm tài nguyên và giảm khí phát thải nhà kính, tăng cường tính chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn và các cơ chế chính sách khác có liên quan.

d) Chỉ đạo hướng dẫn các nhiệm vụ quản lý bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái rừng; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái rừng; hạn chế tình trạng mất rừng và suy thoái rừng; kiểm soát chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng các sản phẩm nông, lâm nghiệp bền vững; giao rừng, cho thuê rừng, bảo vệ rừng và phát triển sinh kế cho người dân và cộng đồng địa phương sống phụ thuộc vào rừng gắn với nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng; sử dụng đất nông, lâm nghiệp bền vững, đa mục đích phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chống sa mạc hóa và suy thoái đất, cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ cacbon rừng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các nhiệm vụ khác có liên quan.

đ) Phối hợp với các sở ngành, địa phương nghiên cứu đề xuất cơ chế điều phối lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình hợp tác quốc tế, khu vực tư nhân, hợp tác công tư và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện Kế hoạch.

e) Chủ trì xây dựng và triển khai các hoạt động truyền thông, nâng cao năng lực và nhận thức cho các bên liên quan để thực hiện Kế hoạch.

## 2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất; sử dụng đất theo hướng đa mục đích; quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả đất đai; tổ chức thực hiện quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học; quản lý đa dạng sinh học; xây dựng cơ chế chính sách về quản lý tín chỉ cacbon, giảm phát thải khí nhà kính.

b) Rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất theo Nghị quyết số 39/2021/QH-15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050 và Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021-2025; Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Chính phủ phân bổ chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021- 2030; triển khai thực hiện Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 17/3/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa VIII về tiếp tục đổi mới hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý sử dụng đất; rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phối hợp với các đơn vị chủ rừng và địa phương nơi có đất giải quyết các tranh chấp liên quan đến đất nông lâm nghiệp. Nghiên cứu đề xuất bổ sung quy định về quản lý sử dụng đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số nhằm giải quyết đất ở, đất sản xuất.

c) Rà soát, tham mưu việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Dây mạnh chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý đất đai.

d) Rà soát, đánh giá việc sử dụng đất của các công ty nông lâm nghiệp, thực trạng quản lý; hướng dẫn địa phương xây dựng phương án sử dụng đất có nguồn gốc nông lâm trường; tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền có giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất có nguồn gốc từ nông lâm trường.

## 5.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện có hiệu quả các nội dung của Kế hoạch.

## 5.4. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối, trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định của pháp luật để thực hiện Kế hoạch.

## 5.5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Chủ trì tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch; bố trí kinh phí, huy động, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện Kế hoạch theo quy định pháp luật.

b) Tăng cường các giải pháp quản lý, sử dụng đất nông lâm trường; giải quyết đất ở, đất sản xuất theo Nghị quyết số 88/2019/QH-14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030.

c) Tích hợp chỉ tiêu về rừng và đất lâm nghiệp vào quy hoạch cấp tỉnh; tiếp tục hoàn thiện hồ sơ quản lý rừng; đẩy nhanh việc giao rừng, cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thống nhất ranh giới trên bản đồ và thực địa.

d) Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch hàng năm, thực hiện sơ kết, tổng kết, báo cáo UBND tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện “Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ngành, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện đạt hiệu quả. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban mặt trận Tổ quốc Mặt trận Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên Môi trường, Kế hoạch đầu tư, Tài chính;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, KTN.

Vinh KTN ktn Kh glasgow.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT, CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



**Phụ lục: DANH MỤC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI TUYÊN BỐ GLASGROW**  
 (Bao hành kèm theo Kế hoạch số 48 /UBND-KTN ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, chủ trì	Cơ quan, phối hợp	Thời gian thực hiện/ thời gian trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền
1	<b>Bảo tồn và đẩy nhanh quá trình phục hồi rừng, các hệ sinh thái trên cạn</b>			
1.1	<b>Đến năm 2025</b>			
a	Xây dựng và thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án, dự án về bảo tồn, phục hồi rừng, phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái, ngăn ngừa chuyển đổi, phá hủy hệ sinh thái, các cảnh quan tự nhiên quan trọng góp phần thực hiện Tuyên bố Thập kỷ 2021 – 2030 là Thập kỷ liên hợp quốc về phục hồi sinh thái	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	2025
b	Quản lý xung đột, tranh chấp về rừng và sử dụng đất; đánh giá hiện trạng rừng và đất đang có tranh chấp; xây dựng kế hoạch có tranh chấp về rừng và đất; xác định ranh giới trên bản đồ và thực địa, ưu tiên cắm mốc ranh giới rừng đặc dụng, rà soát phòng hộ:	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	2025
	(i) Đánh giá hiện trạng diện tích rừng đang có tranh chấp; xây dựng kế hoạch chủ trì phối hợp với cá địa phương tổ chức triển khai các hoạt động giải quyết tranh chấp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	2025
	(ii) Đánh giá hiện trạng sử dụng đất đang có tranh chấp; xây dựng kế hoạch chủ trì phối hợp với các địa phương tổ chức triển khai các hoạt độ giải quyết tranh chấp	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, chủ trì	Cơ quan, phối hợp	Thời gian thực hiện/ thời gian trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền
	(iii) Tăng cường quản lý đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	
c	Lồng ghép nội dung quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn các hệ sinh thái rừng tự nhiên trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh; các quy hoạch ngành quốc gia gồm: quy hoạch lâm nghiệp, quy hoạch tổng thể quốc gia bảo tồn đa dạng sinh học, quy hoạch bảo vệ môi trường	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	2025
d	Tăng cường năng lực cơ chế phối hợp liên ngành để thực thi pháp luật cho Kiểm lâm, lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng; đảm bảo chế độ, chính sách đặc thù, đầu tư trang thiết bị, công cụ hỗ trợ, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong thực thi pháp luật bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng; xây dựng ban hành cơ chế quy chế phối hợp liên ngành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	2025
d	Kiểm soát chặt chẽ chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; kiểm tra giám sát các dự án chuyên mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	2025
e	Xây dựng cơ sở dữ liệu về da dạng sinh học, theo dõi giám sát đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái rừng; đầu tư trang thiết bị cho các hoạt động điều tra giám sát đa dạng sinh học	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	2025
<b>1.2</b>	<b>Đến năm 2030</b>			
a	Tiếp tục triển khai các chương trình bảo tồn rừng và phục hồi các hệ sinh thái trên cạn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, chủ trì	Cơ quan, phối hợp	Thời gian thực hiện/ thời gian trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền
b	Tiếp tục quản lý xung đột, tranh chấp về rừng và sử dụng đất; đánh giá hiện trạng rừng và đất đang có tranh chấp; xây dựng kế hoạch có tranh chấp về rừng và đất	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	2030
c	Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chuyên mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; kiểm tra giám sát các dự án chuyên mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	2030
d	Tiếp tục xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học, theo dõi giám sát đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái rừng; đầu tư trang thiết bị cho các hoạt động điều tra giám sát đa dạng sinh học	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	2030
2	<b>Xây dựng và hoàn thiện chính sách thương mại trong nước và quốc tế thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng hàng hóa bền vững để đạt lợi ích chung không làm mất rừng và suy thoái đất</b>			
2.1	<b>Đến năm 2025</b>			
	Triển khai các quy định pháp luật về sản xuất tiêu dùng các sản phẩm nông, lâm nghiệp phù hợp với cam kết quốc tế, thúc đẩy quản lý rừng bền vững và chung chi rừng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Công thương, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2025
2.2	<b>Đến năm 2030</b>			
a	Triển khai các chính sách phát triển nông, lâm nghiệp bền vững, phát triển giá trị đa mục đích của hệ sinh thái rừng, sử dụng đất bền vững, đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế về sản xuất và thương mại các sản phẩm nông, lâm nghiệp không gây mất rừng và suy thoái rừng.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Công thương, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, chủ trì	Cơ quan, phối hợp	Thời gian thực hiện/ thời gian trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền
b	Quản lý, bảo vệ chất lượng tự nhiên; phục hồi và nâng cao chất lượng rừng để bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng và cung cấp các dịch vụ môi trường rừng; Hạn chế tối da chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích ngoài lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2030
3	<b>Giảm thiểu tình trạng dễ bị tổn thương của rừng và đất, tăng cường khả năng phục hồi và nâng cao sinh kế nông thôn thông qua trao quyền cho cộng đồng, cũng có hệ thống quản lý đất, phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao giá trị đàm bảo quyền của người dân theo pháp luật của Việt Nam và thông lệ quốc tế</b>	Đến năm 2025		
a	<p>Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương của các hệ sinh thái rừng, đất và sinh kế của cộng đồng dân cư sống phụ thuộc vào rừng; triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao khả năng chống chịu và giảm nhẹ tổn thất, thiệt hại do biến đổi khí hậu, tập trung vào một số trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương của các hệ sinh thái rừng, các loại hình sử dụng đất khác và sinh kế của cộng đồng địa phương trong điều kiện biến đổi khí hậu;</li> <li>(ii) Xây dựng và triển khai các giải pháp giảm nhẹ tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu và tăng cường khả năng chống chịu với tác động của biến đổi khí hậu</li> </ul>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan 2025
b	Xây dựng và hoàn thiện chính sách phát triển lâm sản ngoài gỗ, được liệu dưới tán rừng và cải thiện sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	
c	Trao quyền quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cho cộng đồng dân cư và người dân địa phương thông qua giao rừng gắn với giao đất và hưởng lợi từ rừng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, phối hợp	Thời gian thực hiện/ thời gian trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền
d	Hỗ trợ phát triển sinh kế và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp bền vững, không gây mất rừng cho các cộng đồng dân cư ở vùng đệm rừng đặc dụng và khu vực tiếp giáp rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên của hệ sinh thái rừng theo hướng sản xuất nông lâm kết hợp; du lịch sinh thái, lâm sản ngoài gỗ, được liệu dưới tán rừng tự nhiên và mở rộng dịch vụ môi trường rừng gồm:	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2025
e	(i) Xây dựng và triển khai Đề án phát triển giá trị đa dạng của hệ sinh thái rừng, phát triển lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng tự nhiên (ii) Nghiên cứu thí điểm chi trả dịch vụ môi trường rừng, trong đó có dịch vụ hấp thụ cacbon rừng,	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	
a	Nâng cao năng lực thực hiện và trách nhiệm của quốc gia thành viên Công ước của Liên hiệp Quốc về chống sa mạc hóa; xây dựng và triển khai chương trình hành động quốc gia về chống sa mạc hóa và suy thoái đất	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2025
3.2	<b>Đến năm 2030</b> Triển khai các giải pháp nâng cao khả năng chống chịu và giảm nhẹ tổn thất, thiệt hại do biến đổi khí hậu, trong đó tập trung triển khai một số hoạt động gồm: (i) Triển khai các giải pháp giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch ở các cấp, lựa chọn triển khai thực hiện các giải pháp nhằm giảm nhẹ tác động, tình trạng dễ bị tổn thương; tổn thất và thiệt hại ở các vùng đệm (ii) Tổng kết đánh giá xây dựng kế hoạch cho giai đoạn sau năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2030
b	Tiếp tục giao rừng gắn với giao đất và hưởng lợi từ rừng cho cộng đồng dân cư đối với diện tích rừng và đất lâm nghiệp do UBND cấp xã quản lý	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, chủ trì	Cơ quan, phối hợp	Thời gian thực hiện/ thời gian trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền
c	Triển khai thực hiện Đề án phát triển các giá trị da dạng từ rừng, tổ chức đánh giá đè án giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2030
d	Thực hiện trách nhiệm của quốc gia thành viên Công ước của Liên hiệp quốc về chống sa mạc hóa; xây dựng và triển khai chương trình hành động quốc gia về chống sa mạc hóa và suy thoái đất	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2030
đ	Xây dựng chính sách chi trả dịch vụ hấp thụ cacbon rừng, triển khai cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ cacbon rừng để đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế đóng góp mục tiêu giảm phát thải nhà kính của ngành và tạo nguồn tài chính bền vững	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2030
<b>4 Xây dựng và tổ chức có hiệu quả chính sách, chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, bảo đảm an ninh lương thực</b>				
4.1	<b>Đến năm 2025</b>			
a	Xây dựng chính sách sản xuất phát triển nông lâm nghiệp theo hướng tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải khí nhà kính, tăng cường tính chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn thích đáp ứng yêu cầu của thị trường	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2025
b	Thí điểm và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp mới, các vùng sản xuất chuyên canh đáp ứng nhu cầu thị trường, tiết kiệm tài nguyên giảm thiểu thấp, kết hợp công nghiệp dịch vụ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2025
c	Xây dựng, chỉ dẫn thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nông lâm nghiệp không gây mất rừng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, chủ trì	Cơ quan, phối hợp	Thời gian thực hiện/ thời gian trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền
4.2	<b>Đến năm 2030</b>			
a	Tiếp tục thí điểm và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp mới, các vùng sản xuất chuyên canh đáp ứng nhu cầu thị trường, tiết kiệm tài nguyên giảm thiểu thấp, kết hợp công nghiệp dịch vụ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2030
b	Tiếp tục xây dựng, chỉ dẫn thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nông lâm nghiệp không gây mất rừng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2030
	<b>Tăng cường khả năng tiếp cận và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính trong nước và quốc tế, hợp tác công tư để phát triển sản xuất nông lâm nghiệp và quản lý rừng bền vững, bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái, hỗ trợ cộng đồng dân cư tại địa phương và dân tộc thiểu số</b>			
5.1	<b>Đến năm 2025</b>			
a	Tiếp cận thúc đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế và phối hợp hoàn thiện cơ chế chính sách để huy động nguồn lực tài chính từ khu vực tư nhân, hợp tác công tư cho phát triển kinh tế nông lâm nghiệp, quản lý rừng bền vững, phục hồi rừng tự nhiên, gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, hỗ trợ cộng đồng địa phương và đồng bào dân tộc thiểu số	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2025
b	Thúc đẩy thực hiện các sáng kiến, cơ chế tài chính mới về tài chính khí hậu, tín dụng xanh, mở rộng dịch vụ môi trường rồng, dịch vụ cacbon rồng tạo nguồn tài chính bền vững cho phát triển bền vững, bảo tồn và phục hồi rừng, hỗ trợ cộng đồng dân cư và cộng đồng dân tộc thiểu số: (i) Đánh giá kinh nghiệm quốc tế; (ii) Đánh giá tiềm năng giảm phát thải và thị trường cacbon; nghiên cứu quyền cacbon rồng (iii) Xây dựng vận hành cơ sở dữ liệu về kiểm kê khí nhà kính, đo đạc, thẩm định giản nhẹ khi nhà kính linh vực lâm nghiệp và sử dụng đất (iv) Xây dựng chính sách phát huy giá trị mà rừng tạo ra và	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, chủ trì	Cơ quan, phối hợp	Thời gian thực hiện/ thời gian trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền
	cung cấp cho xã hội để tạo nguồn tài chính ổn định			
5.2	<b>Đến năm 2030</b>			
a	Phối hợp hoàn thiện cơ chế chính sách để huy động nguồn lực tài chính từ khu vực tư nhân, hợp tác công tư cho phát triển kinh tế nông lâm nghiệp, quản lý rủi ro bền vững, phục hồi rủi ro tự nhiên, gắn với bao tốn đa dạng sinh học, hỗ trợ cộng đồng địa phương và đồng bào dân tộc thiểu số	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	
b	Tiếp tục thực hiện mở rộng các loại hình dịch vụ môi trường rủi ro để tạo nguồn tài chính ổn định bền vững: (i) Thí điểm mở rộng một số loại hình dịch vụ môi trường rủi ro, trong đó có dịch vụ rủi ro ngập mặn (ii) Triển khai các dịch vụ hấp thụ và lưu giữ cacbon rủi ro, giảm phát thải nhà kính từ hạn chế mất rủi ro và suy thoái rủi ro, quản lý rủi ro bền vững tăng trưởng xanh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2030
6	<b>Lồng ghép các nguồn tài chính nhằm hạn chế tình trạng mất và suy thoái rủi ro; có các cơ chế chính sách hiệu lực hiệu quả để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế có khả năng phục hồi và đạt các mục tiêu quốc tế về quản lý rủi ro bền vững và sử dụng đất bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu</b>			
6.1	<b>Đến năm 2025</b>			
a	Triển khai cơ chế, chính sách bố trí hiệu quả nguồn lực đầu tư thông qua các chương trình, đề án dự án phát triển sản xuất nông lâm nghiệp và sử dụng đất bền vững bao gồm: đánh giá thực trạng và đề xuất cơ chế phối hợp điều phối trong phân bổ và sử dụng các nguồn lực đầu tư cho các chương trình dự án đê án phát triển sản xuất nông lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2025
b	Nâng cao hiệu quả đầu tư thông qua việc lồng ghép các chương trình đầu tư công, hỗ trợ quốc tế, chương trình mục tiêu quốc gia chương trình, đề án dự án phát triển sản xuất nông lâm nghiệp để quản lý rủi ro và sử dụng đất bền vững,	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên	2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan, chủ trì	Cơ quan, phối hợp	Thời gian thực hiện/ thời gian trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền
	bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu: xây dựng và tổ chức triển khai lồng ghép các nguồn lực đầu tư nhằm mục tiêu sử dụng hiệu quả nguồn đầu tư		quản	
c	Tăng cường điều phối hợp tác liên ngành trong quá trình xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án dự án phát triển sản xuất nông lâm nghiệp nhằm chuyên đổi sang nền kinh tế có khả năng phục hồi và đạt được các mục tiêu quốc tế về hạn chế tình trạng mất rủi ro và suy thoái rủi ro	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan
6.2	<b>Đến năm 2030</b>			
a	Tiếp tục triển khai các nguồn lực chương trình, đề án dự án phát triển sản xuất nông lâm nghiệp để nâng cao hiệu quả đầu tư	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2030
b	Tiếp tục phối hợp, hợp tác liên ngành các chương trình, đề án dự án phát triển sản xuất nông lâm nghiệp nhằm chuyên đổi sang nền kinh tế có khả năng phục hồi và đạt được các mục tiêu quốc tế về hạn chế tình trạng mất rủi ro và suy thoái rủi ro	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan	2030